TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - H phúc

Bản án số: 08 /2018/DS-ST.
Ngày: 07-02-2018.
V/v "*Tranh chấp nợ hụi*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Như Phương

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thanh Tuấn.
2. Bà Nguyễn Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trực – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Ngày 07 tháng 02 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 342/2017/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2017 về "*Tranh chấp nợ hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXX-ST ngày 11 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thái Thị S, sinh năm 1974.
Địa chỉ: ấp PC, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

2. Bị đơn: - Bà Nguyễn Mỹ H, sinh năm 1972.
- Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1971.
Cùng địa chỉ: Khu phố A, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/10/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Thái Thị S trình bày:

Bà có tham gia rất nhiều phần hụi do bà Nguyễn Mỹ H làm chủ. Khi bà H tuyên bố vỡ hụi thì giữa hai bên có tiến hành đối chiếu, lập văn bản để xác nhận nợ, bà H tự tay viết "*Giấy nợ hụi*" vào ngày 24/12/2016. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà H và chồng là ông Nguyễn Ngọc C phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền nợ hụi là 573.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

Bị đơn bà H và ông C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà H và ông C đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến cũng như yêu cầu của ông bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Giữa bà Thái Thị S và bà Nguyễn Mỹ H có thỏa thuận giao dịch hụi với nhau, sau khi vỡ hụi hai bên phát sinh tranh chấp, do bà H và ông Nguyễn Ngọc C cùng cư trú trên địa bàn thành phố BT nên Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre thụ lý giải quyết vụ kiện về "*Tranh chấp nợ hụi*" nêu trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà S khởi kiện tranh chấp nợ hụi, chứng cứ cho yêu cầu khởi kiện này là "*Giấy nợ hụi*" lập ngày 24/12/2016. Hội đồng xét xử xét thấy trong nội dung của "*Giấy nợ hụi*" bà H xác nhận "*có nợ hụi của bà Thái Thị S số tiền là 573.000.000 đồng*", văn bản này do bà H tự viết và có ký tên xác nhận nên có giá trị pháp lý, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên đơn đã gửi hồ sơ khởi kiện cho bà H thông qua đường bưu điện nhưng bị đơn không có ý kiến tự khai, giải trình, phản bác hay yêu cầu gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy có căn cứ để xác định bà H còn nợ bà S 573.000.000 đồng tiền hụi, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Hội đồng xét xử ghi nhận việc nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

[3] Ông C và bà H có Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân phường PK, TP BT, tỉnh Bến Tre cấp ngày 19/4/2002 nên là vợ chồng hợp pháp. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để buộc ông C phải có trách nhiệm liên đới với bà H để trả số tiền 573.000.000 đồng cho bà S.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà H và ông C phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà S số tiền 573.000.000 đồng.

[5] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bị đơn phải nộp theo quy định của Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 13.460.000 đồng.

[6] Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý; đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng qui định của bộ luật tố tụng dân sự, nhưng đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cùng giấy triệu tập để dự phiên tòa đều được tống đạt hợp lệ nhưng bị vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 471 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

- Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.
- Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Cnh phủ quy định về "Họ, hụi, biêu, phường"

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị S. Buộc bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Thái Thị S số tiền 573.000.000 (Năm trăm bảy mươi ba triệu) đồng.

Ghi nhận việc bà Thái Thị S không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C phải liên đới nộp 13.460.000 (Mười ba triệu bốn trăm sáu mươi ngàn) đồng.

Bà Thái Thị S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.460.000 (Mười ba triệu bốn trăm sáu mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013908 ngày 10/11/2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố BT.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND TP Bến Tre;*
- *Chi cục THADS TP BT;*
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Như Phương